

KẾT LUẬN

Phiên giải trình của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội; thực hiện Chương trình công tác năm 2026 và được sự đồng ý của Lãnh đạo Quốc hội, ngày 20/9/2026, tại Nhà Quốc hội, Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội tổ chức Phiên giải trình của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Thanh dự và chỉ đạo Phiên giải trình. Tham dự Phiên giải trình có thành viên Ủy ban Văn hóa và Xã hội; đại diện Thường trực Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và đại diện Lãnh đạo các bộ, ngành liên quan¹.

Phiên giải trình diễn ra công khai, dân chủ với tinh thần trách nhiệm cao. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lãnh đạo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các bộ, ngành đã giải trình, làm rõ ý kiến chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Ủy ban đã biểu quyết, thống nhất kết luận như sau:

1. Kết quả đạt được

Thời gian qua, việc thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đạt nhiều kết quả tích cực, có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển. Hệ thống văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội đã được ban hành cơ bản đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng.

Nguồn lực thực hiện chính sách về giáo dục và đào tạo cơ bản được bảo đảm theo khả năng cân đối; đầu tư cho giáo dục được đặc biệt quan tâm. Điều kiện dạy và học tại các cơ sở giáo dục tiếp tục được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhu cầu của người học và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035 đã được phê duyệt và khẩn trương thực hiện; theo chủ trương của Quốc hội, nội dung Chương trình được tích hợp vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026-2035. Hệ thống trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới đất liền đang được khẩn trương xây dựng

¹ Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế.

theo kế hoạch; nhiều trường đã được đưa vào sử dụng, phục vụ năm học mới.

Trình độ, năng lực đội ngũ nhà giáo từng bước được chuẩn hóa và nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu. Khung pháp lý về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, điều động, biệt phái nhà giáo được hoàn thiện theo hướng giao quyền chủ động cho ngành giáo dục và địa phương, tạo cơ sở để khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong đó có vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Chính sách đãi ngộ, thu hút đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên trường học tiếp tục được cải thiện. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo được thực hiện nề nếp.

Công tác phân luồng học sinh, thúc đẩy phát triển giáo dục STEM, đào tạo, phát triển nhân lực chất lượng cao các ngành mũi nhọn như công nghệ Nano, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, hạt nhân được chú trọng. Mô hình trung học nghề mở ra cho học sinh những lựa chọn mới sau bậc trung học cơ sở.

Chính phủ đã bổ sung, mở rộng đối tượng người học hưởng chính sách ưu đãi như: miễn, hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026; hỗ trợ chi phí học tập và bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở ở xã biên giới đất liền; xây dựng lộ trình cung cấp miễn phí sách giáo khoa; miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; mở rộng đối tượng, mức hưởng học bổng và tín dụng học sinh, sinh viên, nhất là sinh viên, học viên giỏi theo học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược, qua đó giúp giảm chi phí học tập cho người học, mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục.

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục được điều chỉnh theo hướng giảm áp lực cho học sinh, giảm số môn thi và bám sát hơn Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tuyển sinh đại học được đổi mới theo hướng tăng quyền tự chủ cho cơ sở đào tạo. Cơ cấu ngành, nghề đào tạo bước đầu được điều chỉnh, ưu tiên các ngành khoa học, công nghệ chiến lược.

Xây dựng văn hóa học đường, bảo vệ học sinh trên môi trường mạng, chăm sóc, bảo vệ học sinh, dinh dưỡng học đường được quan tâm hơn.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đạt kết quả bước đầu tích cực; đã ban hành Khung năng lực số cho người học, khung nội dung thí điểm giáo dục trí tuệ nhân tạo và Khung năng lực số cho giáo viên, cán bộ quản lý. Đã triển khai các công việc để chuẩn bị cho việc cung cấp và sử dụng một bộ sách giáo khoa thống nhất trong toàn quốc.

Nhiều chính sách mới đã được Chính phủ và các địa phương tích cực triển khai, được cử tri ghi nhận, đánh giá cao.

2. Tồn tại, hạn chế

(1) Tiến độ ban hành một số văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật còn chậm. Việc triển khai một số chính sách mới tại địa phương và cơ sở

giáo dục chưa đồng đều², có nội dung triển khai còn chậm³ hoặc còn khó khăn, vướng mắc⁴.

(2) Một số nhóm chính sách phát triển đội ngũ giáo viên ban hành chậm⁵. Chính sách xếp lương của nhà giáo cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp theo Luật Nhà giáo chưa được quy định chi tiết; chế độ phụ cấp ưu đãi chưa bao quát đầy đủ một số đặc thù nghề nghiệp nhà giáo trong tình hình mới⁶. Chính sách tuyển dụng, điều động, chuyển chuyển, biệt phái, thu hút, đãi ngộ nhà giáo giỏi chậm được triển khai tại một số địa phương, một số khâu chưa có nhiều chuyển biến rõ nét. Tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, mất cân đối cơ cấu chưa được khắc phục căn bản, nhất là ở một số môn học đặc thù, địa bàn khó khăn. Định mức giáo viên chưa thực sự phù hợp với quy mô, địa bàn, mô hình trường lớp; nhiều địa phương chưa tuyển dụng hết số chỉ tiêu biên chế được giao.

Chính sách hỗ trợ, chăm lo cho học sinh được ban hành đầy đủ, kịp thời, nhưng tổ chức thực hiện còn bất cập⁷. Quy định về chính sách hỗ trợ người học còn phân tán, khó theo dõi; mức độ tiếp cận và hiệu quả chính sách còn hạn chế.

(3) Công tác phân luồng còn nhiều hạn chế, một số nơi chưa thực chất. Mô hình trường trung học nghề chưa được hướng dẫn cụ thể, kịp thời; cơ sở trường lớp đầu tư chưa đầy đủ, điều kiện bảo đảm chất lượng và năng lực tổ chức thực hiện giữa các cơ sở, địa phương còn chưa đồng đều, khiến việc triển khai ở các địa phương chậm và lúng túng.

Tiến độ xây dựng các hạng mục tại một số trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới đất liền còn chậm. Việc mở rộng các trường trung học phổ thông còn hạn chế, nhất là tại khu công nghiệp, khu đô thị có tốc độ tăng dân số cơ học cao.

² Như trong việc bố trí nguồn lực, tuyển dụng giáo viên, thực hiện chính sách hỗ trợ và chuẩn bị các điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục.

³ Như việc triển khai mô hình trung học nghề; việc giảng dạy chương trình trung học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

⁴ Như việc bố trí kinh phí ký hợp đồng giáo viên, chi trả tiền dạy thêm giờ và thực hiện chính sách hỗ trợ, thu hút, trọng dụng nhà giáo; việc rà soát quy định nội bộ, cập nhật dữ liệu, bảo đảm đội ngũ, cơ sở vật chất và các điều kiện chất lượng tại một số cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; việc thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí tại một số địa phương còn vướng mắc trong xác định đối tượng, tổng hợp danh sách, cấp bù, bố trí và quyết toán kinh phí; việc chi trả qua tài khoản còn khó khăn...

⁵ Gồm: (i) chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp và chính sách hỗ trợ đối với nhà giáo; (ii) tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; (iii) tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ làm việc, bổ nhiệm và xếp lương đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học; (iv) khung chương trình bồi dưỡng năng lực thực hành nghề cho giảng viên, giáo viên giáo dục nghề nghiệp dạy thực hành.

⁶ Như: quy định phụ cấp ưu đãi nhà giáo hiện chủ yếu căn cứ vào cấp học, tính chất môn học và điều kiện khó khăn của địa bàn, chưa tính đến phụ cấp tương ứng với các nhiệm vụ đặc thù như dạy liên trường, dạy nhiều điểm trường, di chuyển giữa các cơ sở...

⁷ Nhiều chính sách chăm lo cho học sinh như miễn, hỗ trợ học phí, hỗ trợ bữa ăn trưa, hỗ trợ học sinh vùng khó khăn, học sinh nội trú, bán trú... Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở vật chất, khả năng cân đối ngân sách, phương thức cấp kinh phí ở các địa phương chưa đồng đều. Thủ tướng Chính phủ đã phải tiếp tục ban hành Chỉ thị yêu cầu bảo đảm triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chuẩn bị cho năm học mới (Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026). Việc tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh; việc thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí còn một số khó khăn, vướng mắc, nhất là các địa phương miền núi, vùng khó khăn và chưa tự cân đối được ngân sách. Việc rà soát, xác định đối tượng còn phức tạp do biến động dân cư, thay đổi nơi cư trú.

(4) Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông còn xảy ra tiêu cực, vi phạm pháp luật nghiêm trọng tại một số địa phương. Việc tổ chức kỳ thi với quy mô lớn, phân cấp mạnh cho địa phương còn thiếu chặt chẽ, tiềm ẩn rủi ro ở khâu tổ chức thực hiện, nếu việc tuân thủ quy chế không nghiêm. Hình thức thi trắc nghiệm và cấu trúc đề thi cần được tiếp tục được rà soát để thực sự phù hợp hơn với đặc thù từng môn, tăng khả năng đánh giá năng lực vận dụng, lập luận, diễn đạt, sáng tạo và giải quyết vấn đề của học sinh.

Phương thức tuyển sinh đại học còn phức tạp. Việc sử dụng nhiều phương thức, cách quy đổi điểm và mức độ tương đương còn có điểm chưa đồng nhất, có thể ảnh hưởng đến tính công bằng giữa các nhóm thí sinh, nhất là học sinh vùng khó khăn, học sinh thuộc gia đình có điều kiện kinh tế hạn chế. Việc mở rộng quy mô tuyển sinh tại một số cơ sở giáo dục đại học chưa gắn chặt chẽ với điều kiện bảo đảm chất lượng. Cơ cấu ngành, nghề đào tạo chưa gắn chặt với nhu cầu thị trường lao động, một số ngành có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm thấp. Quy mô đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhất là đào tạo trình độ sau đại học chưa đáp ứng yêu cầu; năng lực đào tạo giữa các cơ sở còn chênh lệch. Công tác dự báo nhu cầu nhân lực, chia sẻ dữ liệu nghiên cứu và hợp tác quốc tế trong một số lĩnh vực công nghệ chiến lược còn hạn chế; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ và sự tham gia của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp chưa đồng bộ.

(5) Việc kiểm tra, đánh giá, tổng kết công tác xây dựng văn hóa học đường chưa được quan tâm đúng mức, một số nơi còn hình thức. Số vụ bạo lực học đường có giảm, song tính chất, mức độ, hậu quả của một số vụ việc có xu hướng nghiêm trọng hơn. Bạo lực học đường trên môi trường mạng tiếp tục diễn biến phức tạp. Năng lực bảo vệ học sinh trên môi trường số và kiểm soát rủi ro từ trí tuệ nhân tạo của một bộ phận giáo viên, cán bộ quản lý còn hạn chế. Công tác tư vấn tâm lý, hỗ trợ sức khỏe tinh thần học sinh chưa được quan tâm đúng mức, còn hạn chế về tính chuyên nghiệp, nhân lực, kinh phí.

(6) Việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa còn có bất cập. Một số nội dung sách giáo khoa giáo dục phổ thông chưa được rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật kịp thời để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và yêu cầu giáo dục toàn diện về đức, trí, thể, mỹ.

Việc tổ chức in, phân phối, cung ứng sách giáo khoa trong năm học 2026-2027 còn dễ xảy ra tình trạng thiếu sách ở nhiều nơi; công tác dự báo, tổng hợp và phân tích nhu cầu sách giáo khoa chưa theo kịp thực tế. Việc xử lý hạn chế trong cung ứng, điều phối nguồn sách chưa kịp thời và linh hoạt trong tổ chức thực hiện.

(7) Công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động dạy thêm còn hạn chế. Một số nơi còn phản ánh của cử tri về việc ép buộc học sinh học thêm, còn dạy nội dung chính khóa trong giờ dạy thêm.

(8) Chất lượng bữa ăn học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm tại một số cơ sở giáo dục còn chưa bảo đảm, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh.

(9) Học phí tại một số cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện tự chủ có xu hướng tăng nhưng chưa gắn chặt chẽ với cơ chế công khai, minh bạch chi phí và tương xứng với mức độ chất lượng dịch vụ, ảnh hưởng đến cơ hội tiếp cận đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Cơ chế tự chủ tài chính chưa đi kèm giám sát chặt chẽ; chế tài xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Qua giải trình, Ủy ban đề nghị Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành quan tâm các vấn đề sau:

3.1. Về hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản quy định, hướng dẫn chi tiết: Khẩn trương ban hành đầy đủ văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết của Quốc hội về giáo dục và đào tạo, bảo đảm chính sách mới được triển khai đồng bộ, thống nhất, kịp thời. Hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức và vận hành các trường phổ thông liên cấp tại các xã biên giới đất liền phù hợp với điều kiện đặc thù của địa bàn và yêu cầu bảo đảm an ninh, an toàn trường học. Hoàn thiện quy định chi tiết và hướng dẫn tổ chức thực hiện mô hình trung học nghề.

3.2. Về bảo đảm nguồn lực tài chính và điều kiện thực hiện chính sách: Bố trí đủ, kịp thời nguồn lực tài chính và điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện đầy đủ, thực chất các chủ trương, chính sách, nhất là chính sách đối với nhà giáo, người học và chính sách hỗ trợ vùng khó khăn. Ưu tiên nguồn lực cho địa bàn thiếu trường, lớp, giáo viên, các ngành đào tạo chiến lược; đồng thời chủ động đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất phù hợp với quy mô dân số và đáp ứng nhu cầu học tập, nhất là tại các địa bàn có tốc độ tăng dân số cơ học cao.

3.3. Về đội ngũ nhà giáo và chính sách đối với người học: Khẩn trương ban hành văn bản quy định chi tiết về chính sách tiền lương, ưu đãi, hỗ trợ đối với nhà giáo bảo đảm lương nhà giáo được xếp cao nhất trong thang bậc lương hành chính sự nghiệp. Quản lý, sử dụng biên chế và xác định nhu cầu đội ngũ phù hợp với quy mô học sinh, lớp học, môn học và đặc điểm từng địa bàn. Giải quyết căn bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; thực hiện hiệu quả chính sách luân chuyển, điều động giáo viên vùng khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu thống nhất về đội ngũ nhà giáo, phân loại rõ nguyên nhân thiếu giáo viên làm căn cứ giao biên chế, đào tạo chuyển đổi, đặt hàng đào tạo và điều tiết giáo viên. Đánh giá toàn diện hiệu quả chính sách thu hút, giữ chân nhà giáo, nhất là ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc về xác định đối tượng, phương thức cấp bù, hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí trong thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí cho học sinh; kịp thời tổng hợp nhu cầu nguồn lực để bảo đảm chính sách

được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.

3.4. Về phân luồng học sinh: Hoàn thiện quy định, hướng dẫn và phát triển mô hình trung học nghề, thúc đẩy phân luồng học sinh sau trung học cơ sở theo hướng thực chất, tự nguyện, phù hợp với nhu cầu học tập, thị trường lao động và điều kiện của địa phương. Đánh giá, dự báo nhu cầu phát triển giáo dục trung học phổ thông trong trung và dài hạn, nhất là tại các đô thị, địa bàn có tốc độ tăng dân số cơ học cao; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục trung học phổ thông theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương. Hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức, vận hành trường phổ thông liên cấp tại xã miền núi, biên giới phù hợp với điều kiện đặc thù và yêu cầu an ninh, an toàn trường học.

3.5. Về thi, kiểm tra, đánh giá và tuyển sinh: Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ, tổng thể phương án đổi mới kiểm tra, đánh giá, thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng, bảo đảm ổn định, minh bạch, chặt chẽ, khách quan, giảm áp lực và bảo đảm quyền lợi của người học. Điều chỉnh hợp lý, tăng cường giám sát chéo, sự tham gia của các cơ sở giáo dục đại học, ứng dụng công nghệ thông tin và phân tích dữ liệu tại tất cả các khâu tổ chức thi. Nâng cao chất lượng ngân hàng câu hỏi, đề thi và năng lực đánh giá khả năng vận dụng, tư duy, giải quyết vấn đề của học sinh. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Bảo đảm tuyển sinh đại học gắn với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình và điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục. Đổi mới có lộ trình, cân nhắc kỹ lưỡng, thận trọng, tránh xáo trộn đột ngột, ảnh hưởng đến quyền lợi thí sinh. Tăng tính minh bạch trong xác định phương thức, tiêu chí, chỉ tiêu và kết quả tuyển sinh. Kiểm soát việc mở rộng quy mô gắn với năng lực đào tạo; chỉ mở rộng quy mô tuyển sinh khi đáp ứng đầy đủ điều kiện, không chạy theo số lượng, hình thức.

3.6. Về phòng, chống bạo lực học đường và xây dựng văn hóa học đường: Chú trọng xây dựng văn hóa học đường, bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện. Nâng cao hiệu quả kiểm tra việc xây dựng văn hóa học đường; tổng kết, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay. Nâng cao hiệu quả công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trong trường học. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước và phối hợp liên ngành trong xây dựng văn hóa học đường; phòng, chống bạo lực học đường và bảo vệ học sinh trên môi trường mạng.

Chủ động định hướng việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản trị nhà trường, bảo đảm phù hợp với yêu cầu chuyên môn, tính minh bạch, khả năng kiểm chứng và an toàn dữ liệu. Nâng cao năng lực số, năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa và liên thông cơ sở dữ liệu ngành với dữ liệu dân cư, lao động, việc làm và các cơ sở dữ liệu có liên quan; tăng cường sử dụng dữ liệu phục vụ dự báo, phân bổ nguồn lực, quản trị và đánh giá chính sách.

3.7. Về chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa: Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 686/NQ-UBTVQH15 ngày 14/8/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề việc thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 và Nghị quyết 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Trong đó: (i) Rà soát, điều chỉnh Chương trình theo hướng giảm tải kiến thức hàn lâm, tăng cường nội dung giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ và kỹ năng sống; chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, lý tưởng cách mạng, sức khỏe, văn hóa, lịch sử, nghệ thuật, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, phát triển năng lực số, ngoại ngữ, STEM. (ii) Rà soát, hoàn thiện nội dung sách giáo khoa và học liệu theo hướng thiết thực, hiệu quả, không làm tăng áp lực học tập và chi phí cho học sinh, gia đình người học. Kịp thời điều chỉnh những nội dung bất cập, nhất là các môn học trực tiếp góp phần hình thành nhân cách, truyền thống văn hóa dân tộc, lòng yêu quê hương, yêu đất nước, biết ơn cha mẹ, gia đình, ý thức trách nhiệm xã hội và khát vọng cống hiến cho Tổ quốc. Hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý, phản hồi và chỉnh sửa, đính chính nội dung sách giáo khoa kịp thời, minh bạch. (iii) Khẩn trương huy động, điều tiết, in ấn, bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời số lượng và bảo đảm chất lượng sách giáo khoa cho năm học 2026-2027 và các năm tiếp theo, bảo đảm không để học sinh thiếu sách giáo khoa. Nâng cao hiệu quả công tác dự báo nhu cầu, tổ chức in, phát hành, phân phối và kiểm soát chất lượng, chi phí sản xuất, giá thành sách giáo khoa. Nghiên cứu cơ chế bảo đảm Nhà nước giữ bản quyền và cơ chế quản lý đối với bộ sách giáo khoa sử dụng chung. (iv) Tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3.8. Về dạy thêm, học thêm: Tiếp tục đánh giá toàn diện việc thực hiện chính sách, pháp luật về dạy thêm, học thêm, bảo đảm hài hòa giữa nhu cầu học tập chính đáng của người học với yêu cầu giảm áp lực học tập; có biện pháp thích hợp giảm chi phí xã hội phát sinh thông qua cắt giảm thủ tục hành chính, kinh doanh về dạy thêm, học thêm; bảo đảm điều kiện học tập an toàn, phù hợp cho học sinh tại cơ sở dạy thêm. Xác định rõ trách nhiệm của cơ sở giáo dục và người đứng đầu trong tổ chức, quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm, phòng ngừa việc ép buộc học thêm, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành trong quản lý dạy thêm, học thêm.

3.9. Về bữa ăn học đường: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc bảo đảm an toàn thực phẩm và chất lượng dinh dưỡng trong trường học. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục, đơn vị cung cấp suất ăn và các cơ quan quản lý liên quan trong kiểm soát chất lượng, nguồn gốc thực phẩm và an toàn bữa ăn học đường.

3.10. Về học phí, tự chủ và công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học và phát triển nguồn nhân lực: Rà soát mức học phí của cơ sở giáo dục đại học, nhất là cơ sở giáo dục đại học công lập, bảo đảm học phí tương xứng với chất lượng

đào tạo, điều kiện bảo đảm chất lượng và phù hợp với khả năng chi trả của người học, tránh làm gia tăng bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Công khai căn cứ xác định mức thu, cơ cấu chi phí, kết quả sử dụng nguồn thu để người học và xã hội giám sát. Mở rộng mức độ bao phủ chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí, tín dụng và học bổng; đơn giản hóa thủ tục tiếp cận. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ gián tiếp, đặt hàng đào tạo đối với các ngành quan trọng, khó tuyển và có nhu cầu nhân lực lớn.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình và điều kiện bảo đảm chất lượng; không đồng nhất tự chủ đại học với tự chủ tài chính. Tăng cường dự báo nhu cầu nhân lực, kết nối dữ liệu đào tạo với dữ liệu lao động, việc làm; phát triển đào tạo các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược gắn với nhu cầu sử dụng, đặt hàng và sự tham gia của doanh nghiệp.

4. Đề xuất, kiến nghị

(1) Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình nghiên cứu, tham mưu thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại mục 3 Kết luận này.

(2) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ và tổ chức thực hiện các giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được nêu tại mục 2. Báo cáo việc thực hiện Kết luận Phiên giải trình này tại phiên làm việc của Ủy ban Văn hóa và Xã hội với các bộ, ngành về giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác hằng năm.

Trên đây là Kết luận Phiên giải trình của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Kết luận này đã được các thành viên Ủy ban Văn hóa và Xã hội biểu quyết nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy viên UBTVQH;
- HĐDT và các Ủy ban của QH;
- VPTW Đảng, VP Chủ tịch nước, VPQH, VPCP;
- Đại biểu Quốc hội;
- Các Bộ: GDĐT, Nội vụ, Y tế, Tài chính, Tư pháp, VH TT & DL;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: HC, VHXH.

**TM. ỦY BAN VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI
CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Đắc Vinh